

Số: **40** /2013/QĐ-UBND

Đồng Tháp, ngày **10** tháng **12** năm 2013

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy định thu phí sử dụng tạm thời một phần lòng đường,
lề đường (vĩa hè) không vì mục đích giao thông; phí bến, bãi,
mặt nước trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp**

UỶ BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Pháp lệnh phí và lệ phí ngày 28 tháng 8 năm 2001;

Căn cứ Nghị định số 57/2002/NĐ-CP ngày 03 tháng 6 năm 2002 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh phí và lệ phí;

Căn cứ Nghị định số 24/2006/NĐ-CP ngày 06 tháng 3 năm 2006 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 57/2002/NĐ-CP ngày 03 tháng 6 năm 2002 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh phí và lệ phí;

Căn cứ Thông tư số 63/2002/TT-BTC ngày 24 tháng 7 năm 2002 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện các quy định pháp luật về phí và lệ phí;

Căn cứ Thông tư số 45/2006/TT-BTC ngày 25 tháng 5 năm 2006 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung Thông tư số 63/2002/TT-BTC ngày 24 tháng 7 năm 2002 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện các quy định pháp luật phí và lệ phí;

Căn cứ Thông tư số 97/2006/TT-BTC ngày 16 tháng 10 năm 2006 của Bộ Tài chính hướng dẫn phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Căn cứ Nghị quyết số 111/2013/NQ-HĐND ngày 05 tháng 7 năm 2013 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Tháp khóa VIII, kỳ họp thứ 6 quy định khung mức thu, chế độ thu, nộp đối với các loại phí, lệ phí thuộc thẩm quyền Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Tháp;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định thu phí sử dụng tạm thời một phần lòng đường, lề đường (vĩa hè) không vì mục đích giao thông; phí bến, bãi, mặt nước trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày, kể từ ngày ký; thay thế Quyết định số 10/2008/QĐ-UBND ngày 05 tháng 3 năm 2008 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp về việc ban hành Quy định về thu phí sử dụng lề đường, bến, bãi, mặt nước trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp; giao Sở Tài chính triển khai và theo dõi việc thực hiện Quyết định này.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Văn phòng Chính phủ (I, II);
- Bộ Tài chính;
- Cục Kiểm tra văn bản (Bộ Tư pháp);
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- TT/TU, TT/HĐND tỉnh;
- CT và các PCT/UBND tỉnh;
- LĐVP/UBND tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- Công báo tỉnh;
- Lưu VT, KTTH. HS.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Văn Dương

QUY ĐỊNH

Phí sử dụng tạm thời một phần lòng đường, lề đường (vĩa hè) không vì mục đích giao thông; phí bến, bãi, mặt nước trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp
(Ban hành kèm theo Quyết định số 40 /2013/QĐ-UBND
ngày 10 tháng 12 năm 2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp)

Chương I NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Phí sử dụng tạm thời một phần lòng đường, lề đường (vĩa hè) không vì mục đích giao thông (gọi tắt là phí lòng đường, lề đường); phí bến, bãi, mặt nước là khoản thu vào các đối tượng được phép sử dụng lòng đường, lề đường; bến, bãi, mặt nước vào mục đích, sinh hoạt, sản xuất, kinh doanh, phù hợp với quy hoạch, kế hoạch và quy định của Nhà nước về quản lý, sử dụng lòng đường, lề đường; bến, bãi, mặt nước.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Đối tượng nộp phí là tổ chức, cá nhân khi được cơ quan có thẩm quyền cấp phép sử dụng tạm thời một phần lòng đường, lề đường trong các trường hợp được quy định tại Điều 5, Điều 13 và Điều 14 Quy định về quản lý hệ thống hạ tầng kỹ thuật đô thị trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp ban hành kèm theo Quyết định số 22/2011/QĐ-UBND ngày 12 tháng 9 năm 2011 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

2. Đối tượng nộp phí sử dụng bến, bãi, mặt nước là các tổ chức, cá nhân có sử dụng bến, bãi, mặt nước do Nhà nước quản lý.

Điều 3. Đối tượng được miễn

1. Tổ chức, cá nhân được cấp phép sử dụng lòng đường, lề đường để tổ chức trông giữ xe theo hình thức đấu giá thu phí.

2. Đối tượng không thu phí sử dụng bến, bãi, mặt nước thuộc trường hợp Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất và cho thuê đất.

Chương II MỨC THU, QUẢN LÝ VÀ CHỨNG TỪ THU PHÍ

Điều 4. Mức thu phí

STT	Đối tượng	Đơn vị tính	Mức thu
1	Phí sử dụng lề đường (vĩa hè)	đồng/m ² /ngày	1.000
2	Phí sử dụng lòng đường	đồng/m ² /ngày	1.500
3	Phí bến tàu:		

3.1	Tàu chở khách		
	-Tuyến hoạt động từ 100km trở lên	đồng/ghé/lượt	1.000
	- Tuyến hoạt động dưới 100km	đồng/ghé/lượt	500
3.2	Ghe, tàu, sà lan chở hàng đậu bến tàu	đồng/tấn/chuyến	1.500
3.3	Ghe, tàu, sà lan đậu bến tàu	đồng/m ² /đêm	1.500
4	Phí bãi		
	- Bãi đậu ghe, tàu, sà lan đậu bến	đồng/m ² /đêm	1.000
	- Bãi lên xuống hàng hóa tập trung	đồng/m ² /ngày	2.000
5	Phí mặt nước (sử dụng mặt nước để sản xuất, kinh doanh)	đồng/m ² /tháng	1.000 (tính trên diện tích sử dụng sản sản xuất, kinh doanh)

Căn cứ tính phí: là diện tích lòng đường, lề đường và thời gian được thể hiện trên giấy thông báo cho phép sử dụng tạm thời lòng đường, lề đường do cơ quan có thẩm quyền cấp.

Phí sử dụng lòng đường, lề đường được thu theo hàng tháng. Trường hợp tổ chức, cá nhân được cấp phép sử dụng tạm thời lòng đường, lề đường có số ngày cho phép sử dụng dưới 30 ngày hoặc có yêu cầu nộp một lần thì thực hiện thu một lần.

Điều 5. Chứng từ thu phí

Đơn vị thu phí phải sử dụng biên lai thu phí do cơ quan thuế in ấn, cấp phát và thực hiện các quy định về quản lý sử dụng biên lai theo Thông tư số 63/2002/TT-BTC ngày 24 tháng 7 năm 2002 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện các quy định của pháp luật về phí và lệ phí; Nghị định số 51/2010/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2010 của Chính phủ về hoá đơn bán hàng hoá, dịch vụ. Khi thu phí phải cấp biên lai thu phí cho đối tượng nộp phí.

Điều 6. Quản lý và sử dụng tiền phí

Việc quản lý phí sử dụng lòng đường, lề đường, bến, bãi, mặt nước được thực theo quy định của pháp luật phí, lệ phí.

1. Phí lòng đường, lề đường, bến, bãi, mặt nước là khoản phí thuộc Ngân sách nhà nước, số tiền thu phí được trích như sau:

a) Phí sử dụng lòng đường, lề đường, mặt nước do Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn quản lý là phí thuộc Ngân sách nhà nước, tiền phí thu được nộp Ngân sách nhà nước 100% và điều tiết cho Ngân sách xã, phường, thị trấn.

b) Phí bến, bãi do đơn vị quản lý nhà nước, sự nghiệp (được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép) là phí thuộc Ngân sách nhà nước.

- Đối với các bến, bãi trên địa bàn thị xã, thành phố tiền thu phí được để lại 70% cho đơn vị tổ chức thu, 30% nộp Ngân sách nhà nước và điều tiết Ngân sách thị xã, thành phố.

- Đối với các đơn vị thu bến, bãi tại các huyện, tiền phí thu được để lại 100% cho đơn vị tổ chức thu.

c) Phí bến, bãi do các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân kinh doanh là phí không thuộc Ngân sách nhà nước, các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân kinh doanh có nghĩa vụ nộp thuế theo quy định của pháp luật.

2. Phí sử dụng lòng đường, lề đường, bến, bãi, mặt nước phát sinh trên địa bàn nào thì Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn nơi đó quản lý, có trách nhiệm đôn đốc các đơn vị được giao thu phí thuộc phạm vi mình quản lý, tổ chức thu phí và nộp vào Ngân sách nhà nước theo quy định.

3. Đơn vị thu phí có trách nhiệm đăng ký, kê khai, thu, nộp, quyết toán phí thu được nêu trên đúng theo quy định tại Thông tư số 63/2002/TT-BTC ngày 24 tháng 7 năm 2002 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện các quy định pháp luật về phí, lệ phí và Thông tư số 45/2006/TT-BTC ngày 25 tháng 5 năm 2006 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung Thông tư số 63/2002/TT-BTC ngày 24 tháng 7 năm 2002 của Bộ Tài chính.

4. Đơn vị tổ chức thu phải mở tài khoản “tạm giữ tiền phí, lệ phí” tại Kho bạc nhà nước nơi cơ quan thu đóng trụ sở để theo dõi, quản lý tiền phí thu được. Định kỳ hàng tuần phải gửi số tiền phí đã thu được vào tài khoản “tạm giữ tiền phí, lệ phí” và phải tổ chức hạch toán riêng khoản thu này theo chế độ kế toán hiện hành của Nhà nước.

Điều 7. Chế độ tài chính kế toán

1. Đơn vị tổ chức thu phí phải mở sổ sách, biên lai kế toán theo dõi số thu, nộp và sử dụng tiền phí thu được theo đúng chế độ kế toán, thống kê theo quy định của Nhà nước.

2. Hàng năm, đơn vị tổ chức thu phí phải lập dự toán thu, chi gửi cơ quan quản lý cấp trên, cơ quan tài chính và cơ quan thuế cùng cấp (đối với tổ chức thu là Ủy ban nhân dân các cấp phải gửi cơ quan tài chính, cơ quan thuế cấp trên), Kho bạc nhà nước nơi tổ chức thu theo quy định.

3. Định kỳ phải báo cáo quyết toán việc thu, nộp, sử dụng số tiền thu phí, lệ phí thu được theo quy định của Nhà nước đối với từng loại phí, lệ phí; trường hợp thu các loại phí, lệ phí khác nhau phải theo dõi hạch toán và quyết toán riêng đối với từng loại phí, lệ phí.

4. Đối với tiền phí để lại cho đơn vị tổ chức thu, sau khi quyết toán đúng chế độ, tiền phí chưa sử dụng hết trong năm được phép chuyển sang năm sau để sử dụng tiếp theo chế độ quy định.

5. Thực hiện chế độ công khai tài chính theo quy định của pháp luật.

6. Thực hiện niêm yết công khai mức thu phí tại nơi thu phí.

Chương III TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 8. Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố có trách nhiệm chỉ đạo các đơn vị tổ chức triển khai thực hiện thu phí theo đúng quy định.

Điều 9. Cơ quan thuế nơi đơn vị thu đóng trụ sở có trách nhiệm cấp biên lai thu phí cho đơn vị thu; kiểm tra, đôn đốc các đơn vị thu phí thực hiện chế độ thu nộp, quản lý và sử dụng biên lai thu tiền phí theo đúng chế độ quy định.

Điều 10. Tổ chức, cá nhân vi phạm về quản lý, thu, nộp, sử dụng tiền phí sẽ bị xử lý theo quy định của pháp luật.

Điều 11. Sở Tài chính có trách nhiệm quản lý, kiểm tra việc thu phí theo đúng quy định.

Định kỳ 6 tháng, năm, tổng hợp báo cáo tình hình việc thực hiện thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trên địa bàn tỉnh; theo dõi mức thu phí, tỷ lệ nộp Ngân sách nhà nước; đồng thời tổng hợp các kiến nghị đề xuất trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với điều kiện thực tế tại địa phương./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Văn Dương